

NIÊM YẾT CÔNG KHAI VĂN BẢN TỔ TỤNG TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN
BẮT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN*

NGUYỄN THỊ HOÀI TRÂM**

Ngày nhận bài: 11/5/2026

Ngày phản biện: 26/5/2026

Ngày đăng bài: 25/8/2026

Tóm tắt:

Bài viết phân tích quy định của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về thủ tục niêm yết công khai và so sánh với pháp luật Đức, Pháp, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Liên bang Nga. Qua thực tiễn xét xử, bài viết chỉ ra các bất cập như thiếu quy định bắt buộc về xác minh nơi cư trú trước khi niêm yết, cách tiếp cận còn nặng về hình thức đối với số lần xác minh và thời hạn niêm yết. Từ đó, tác giả kiến nghị hoàn thiện Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS) năm 2015 theo hướng tăng cường nghĩa vụ xác minh trước khi thực hiện việc niêm yết và quy định thời hạn niêm yết linh hoạt hơn nhằm bảo đảm quyền tố tụng của đương sự.

Từ khóa:

Tổng đạt, niêm yết công khai, xác minh, thời hạn niêm yết.

Abstract:

This article analyzes the provisions of Vietnamese civil procedural law regarding public posting procedures and compares them with the laws of Germany, France, the United States, Japan, and the Russian Federation. Based on judicial practice, the article points out shortcomings such as the lack of mandatory regulations on verifying residence before posting notices, and a formalistic approach regarding the number of verifications and the duration of postings. Therefore, the author proposes improvements to the 2015 Civil Procedure Code to strengthen the obligation to verify residence before posting and to provide more flexible posting periods to ensure the procedural rights of the parties involved.

Keywords:

Service of process, public posting, verification, posting period.

1. Đặt vấn đề

Thủ tục cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng giữ vai trò quan trọng trong việc bảo đảm quyền được thông tin và quyền tham gia tố tụng của đương sự, đồng thời góp phần bảo

* Bài viết được thực hiện trong khuôn khổ nhiệm vụ thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường: “Cấp, tổng đạt, thông báo văn bản theo pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam” theo Quyết định số 179/QĐ-ĐHL ngày 05/3/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp Trường năm 2025 - đợt 1.

** ThS.NCS Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh; Email: nthtram@hcmulaw.edu.vn

đảm tính hợp pháp và công bằng trong xét xử dân sự. Khi không thể tổng đạt trực tiếp, pháp luật cho phép áp dụng niêm yết công khai như một phương thức thông báo thay thế. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng còn tồn tại nhiều bất cập, tạo nên sự thiếu thống nhất trong hoạt động xét xử của Tòa án. Vì vậy, việc hoàn thiện quy định và thực tiễn cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, đặc biệt là niêm yết công khai, là yêu cầu cần thiết trong bối cảnh cải cách tư pháp hiện nay.

2. Thực trạng quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về niêm yết công khai

2.1. Về việc xác minh nơi cư trú của người được cấp, tổng đạt, thông báo trước khi tiến hành thủ tục niêm yết công khai

Việc xác minh chính xác nơi cư trú có ý nghĩa quyết định đối với tính hợp pháp và hiệu lực của thủ tục niêm yết công khai, bởi đây là biện pháp thay thế chỉ được áp dụng khi không thể tổng đạt trực tiếp. Hoạt động xác minh nhằm làm rõ tình trạng vắng mặt hoặc không xác định được địa chỉ của đương sự, qua đó tạo căn cứ cho việc chuyển sang niêm yết. Nếu không thực hiện đầy đủ và không được ghi nhận bằng biên bản, việc niêm yết dễ trở nên hình thức, làm suy giảm khả năng tiếp cận thông tin và ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền tham gia tố tụng của đương sự.

Một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc áp dụng không thống nhất thủ tục niêm yết công khai trong thực tiễn tố tụng dân sự hiện nay là việc chưa đặt ra nghĩa vụ xác minh nơi cư trú của người được cấp, tổng đạt, thông báo như một bước thủ tục bắt buộc cần thực hiện trước khi niêm yết. Mặc dù BLTTDS năm 2015 có đề cập đến các trường hợp người được cấp, tổng đạt, thông báo vắng mặt tại nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về hoặc không rõ địa chỉ nơi cư trú mới (khoản 5 Điều 177), nhưng các quy định này mới dừng lại ở việc mô tả tình huống, mà chưa thiết lập một trình tự xác minh mang tính thủ tục rõ ràng, có khả năng kiểm chứng trong hồ sơ vụ việc.

Thực tế phổ biến nhiều trường hợp Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự chưa đúng, chưa đầy đủ và kịp thời, khiến họ không có điều kiện bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình và đưa ra lời khai để làm chứng cứ chứng minh trong vụ án¹. Vi phạm trong việc tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho đương sự có thể không làm ảnh hưởng đến bản chất và nội dung vụ án nhưng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự dẫn đến bị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án².

Ví dụ: Theo Bản án số 06/2021/DS-PT ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Điện Biên, TAND thành phố Đ đã niêm yết nhiều văn bản tố tụng do Doanh nghiệp tư

¹ Nguyễn Thị Xuân Quỳnh (2025), *Nhận diện một số vi phạm của Tòa án trong quá trình giải quyết các vụ án dân sự*, truy cập tại <https://vkshanoi.gov.vn/nhan-dien-mot-so-dang-vi-pham-cua-t242a-225n-trong-qu225-tr236nh-giai-quyết-c225c-vu-225n-d226n-sự>, truy cập ngày 12/8/2026.

² Huỳnh Phương Linh (2017), *Nâng cao chất lượng Bài phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm các vụ án dân sự, hôn nhân gia đình*, truy cập tại <https://vkshanoi.gov.vn/Tin-tuc/Diễn-dân-nghiep-vu/nang-cao-chat-luong-bai-phat-bieu-cua-kiem-sat-vien-tai-phiên-toa-so-tham-cac-vu-an-dân-su-hngd>, truy cập ngày 12/8/2026.

nhân A không có người thường trực và ông Võ Văn Đ1 thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Tuy nhiên, trước khi niêm yết các văn bản tố tụng tiếp theo, Tòa án không xác minh lại tình trạng vắng mặt của ông Đ1 tại nơi cư trú và tại trụ sở doanh nghiệp. Sau khi bản án sơ thẩm được tuyên, ông Đ1 kháng cáo với lý do không nhận được các văn bản tố tụng và không biết về vụ kiện.

Từ vụ án này có thể thấy, khi không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản ban đầu như “Thông báo thụ lý vụ án”, “Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho đương sự thì cán bộ Tòa án phải xác minh tình trạng vắng mặt tại nơi cư trú, trụ sở của đương sự trước khi áp dụng phương thức niêm yết đối với các văn bản tiếp theo. Tuy nhiên, ngay sau đó, TAND thành phố Đ đã tiến hành niêm yết các văn bản như “Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải”, “Quyết định đưa vụ án ra xét xử”, “Quyết định hoãn phiên tòa” mà không thực hiện bước xác minh này. Điểm cần lưu ý là tính xác thực của việc niêm yết cũng không được bảo đảm khi người ký xác nhận vào biên bản thừa nhận không trực tiếp chứng kiến việc niêm yết và người làm việc tại doanh nghiệp liên kết cũng không ghi nhận việc các văn bản trên được niêm yết tại doanh nghiệp A. Những thiếu sót này cho thấy thủ tục niêm yết chưa bảo đảm căn cứ pháp lý và tính khách quan cần thiết, dẫn đến vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền tham gia tố tụng của bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Tương tự, theo Quyết định Giám đốc thẩm số 11/2024/GĐT-KDTM ngày 23/11/2024 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm nhận định rằng: TAND thành phố B đã thực hiện không đúng thủ tục tổng đạt, niêm yết nhiều văn bản tố tụng quan trọng. Cụ thể, đối với “Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập”, “Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”, “Quyết định đưa vụ án ra xét xử” và “Bản án sơ thẩm”, Tòa án chỉ niêm yết tại tổ dân phố, UBND phường và trụ sở Tòa án mà chưa xác minh sự vắng mặt của đương sự và cũng không lập biên bản về việc không thể tổng đạt trực tiếp. Do vi phạm thủ tục tố tụng trên có tính nghiêm trọng và ảnh hưởng đến quyền của đương sự, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm đã hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm của TAND thành phố B để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Theo Điều 179 BLTTDS năm 2015, niêm yết công khai không phải là biện pháp thay thế mặc nhiên cho việc tổng đạt trực tiếp, mà chỉ được áp dụng sau khi Tòa án đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ xác minh và chứng minh được việc tổng đạt trực tiếp là không thể thực hiện trên thực tế. Tuy nhiên, BLTTDS năm 2015 chưa quy định rõ ràng nghĩa vụ lập biên bản xác minh nơi cư trú như một bước thủ tục bắt buộc, nên trong thực tiễn vẫn tồn tại sự không thống nhất trong cách hiểu và áp dụng, dẫn đến khả năng vi phạm tố tụng và kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Vì vậy, cần bổ sung quy định rằng trước khi tiến hành thủ tục niêm yết công

khai, người thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo phải lập biên bản xác minh nơi cư trú của người được cấp, tổng đạt, thông báo³. Trường hợp nội dung biên bản xác minh đủ điều kiện “người được cấp, tổng đạt, thông báo vắng mặt ở nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về hoặc không rõ địa chỉ nơi cư trú mới của họ” thì tiếp tục lập biên bản về việc không thể cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp văn bản tố tụng với lý do như trong biên bản xác minh, sau đó mới tiến hành thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng⁴.

Việc bổ sung quy định này nhằm tăng tính chặt chẽ của thủ tục, làm rõ trình tự áp dụng và tạo cơ sở để kiểm tra, đánh giá tính hợp pháp của việc niêm yết, qua đó hạn chế vi phạm dẫn đến hủy, sửa bản án. Đồng thời, niêm yết chỉ được coi là hợp lệ khi Tòa án chứng minh được việc không thể tổng đạt trực tiếp thông qua các tài liệu xác minh trong hồ sơ, phù hợp với thông lệ của một số quốc gia.

Chẳng hạn, theo Điều 184 BLTTDS Đức (Zivilprozessordnung - ZPO)⁵, việc thông báo công khai chỉ được áp dụng khi không thể xác định được địa chỉ của đương sự, mặc dù Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác minh cần thiết. Pháp luật tố tụng dân sự Đức yêu cầu Tòa án phải ghi nhận rõ các nỗ lực đã thực hiện để tìm kiếm địa chỉ của đương sự trước khi cho phép áp dụng hình thức này. Hoặc theo BLTTDS Pháp⁶, Điều 655, Điều 657, Điều 659 quy định việc niêm yết công khai như một biện pháp đặc biệt, được sử dụng trong những trường hợp ngoại lệ khi không thể tổng đạt trực tiếp. Pháp luật Pháp nhấn mạnh vai trò của Thừa phát lại trong việc chứng minh sự bất khả thi của tổng đạt thông thường, qua đó hạn chế việc lạm dụng niêm yết công khai chỉ để hoàn tất thủ tục.

Tương tự, án lệ *Mullane v. Central Hanover Bank & Trust Co.* (1950)⁷ của Tòa án Tối cao Hoa Kỳ không chỉ đặt ra yêu cầu về tính hợp hiến của phương thức thông báo mà còn hàm chứa nguyên tắc rằng: “Niêm yết công khai chỉ được áp dụng sau khi cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các biện pháp hợp lý để xác minh và liên hệ trực tiếp với người có liên quan nhưng không đạt kết quả”. Điều này cho thấy việc xác minh nơi cư trú không thể được thực hiện một cách hình thức hoặc sơ sài, mà phải bảo đảm tính chính xác và được tiến hành trước khi quyết định áp dụng thủ tục niêm yết. Chỉ khi việc xác minh đã được thực hiện đầy đủ và không phát hiện địa chỉ cư trú hoặc địa chỉ liên hệ có thể tổng đạt trực tiếp thì niêm

³ Phùng Văn Hải, Phan Nguyễn Bảo Ngọc (2025), *Vướng mắc trong BLTTDS năm 2015 về thủ tục niêm yết, tổng đạt từ thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân hai cấp Thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam, số 02/2025, tr.69-79.

⁴ Nguyễn Thái Nam (2019), *Vướng mắc trong thực hiện niêm yết công khai theo Bộ luật tố tụng Dân sự*, truy cập tại <https://tapchitoaan.vn/vuong-mac-trong-thuc-hien-niem-yet-cong-khai-theo-bo-luat-to-tung-dan-su>, truy cập ngày 24/2/2026.

⁵ German Code of Civil Procedure, truy cập tại https://www.gesetze-im-internet.de/englisch_zpo/englisch_zpo.html, truy cập ngày 01/01/2026.

⁶ France code of Civil Procedure Code, truy cập tại <https://www.wipo.int/wipolex/en/members/profile/FR?activeCollection=laws&collection=laws&collection=treaties&collection=judgments>, truy cập ngày 01/01/2026.

⁷ *Mullane v. Central Hanover Bank & Trust Co.* (1950), truy cập tại <https://supreme.justia.com/cases/federal/us/339/306/>, truy cập ngày 24/01/2026.

yết công khai mới trở thành phương thức thông báo phù hợp với yêu cầu bảo đảm quyền được tham gia tố tụng của đương sự.

Từ những phân tích trên, theo tác giả, nhà lập pháp nên cân nhắc bổ sung thêm đoạn 3 khoản 5 Điều 177 BLTTDS năm 2015 nhằm hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự với nội dung sau: “Trước khi tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng, người thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo phải lập biên bản xác minh nơi cư trú của người được cấp, tổng đạt, thông báo; biên bản này phải thể hiện rõ kết quả làm việc với chính quyền địa phương hoặc cơ quan quản lý cư trú”.

2.2. Về số lần xác minh

Niem yết công khai là một biện pháp cấp, tổng đạt, thông báo mang tính thay thế, chỉ được áp dụng trong trường hợp việc cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp không thể thực hiện được trên thực tế. Do đó, tính hợp pháp của thủ tục niêm yết không tồn tại độc lập, mà phụ thuộc chặt chẽ vào việc chứng minh điều kiện áp dụng niêm yết theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 BLTTDS năm 2015.

Theo khoản 5 Điều 177 BLTTDS năm 2015, trong trường hợp người được cấp, tổng đạt, thông báo vắng mặt tại nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về hoặc không rõ địa chỉ nơi cư trú mới, thì người thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo phải lập biên bản về việc không thực hiện được việc tổng đạt, có xác nhận của đại diện tổ dân phố hoặc Công an cấp xã, đồng thời thực hiện thủ tục niêm yết công khai; biên bản này phải được lưu trong hồ sơ vụ án.

Từ quy định trên, có thể thấy rằng, hoạt động xác minh không mang tính hình thức, mà là căn cứ pháp lý trực tiếp để chuyển từ thủ tục tổng đạt trực tiếp sang thủ tục niêm yết công khai. Tuy nhiên, khi thực hiện việc xác minh nơi cư trú của người được cấp, tổng đạt trong thực tiễn, nếu trong một vụ án có rất nhiều văn bản tố tụng được ban hành ở nhiều thời điểm khác nhau và thủ tục niêm yết sẽ được thực hiện nhiều lần tương ứng với các thời điểm ban hành văn bản tố tụng. Vậy trong trường hợp này, việc xác minh nơi cư trú người được cấp, tổng đạt, thông báo sẽ được thực hiện như thế nào? Hiện nay có hai quan điểm khác nhau về vấn đề này:

Quan điểm thứ nhất: Tác giả cho rằng trong cùng một vụ án, Tòa án chỉ cần xác minh nơi cư trú một lần nhằm tránh kéo dài tố tụng. Việc đương sự thay đổi địa chỉ mà không thông báo không làm phát sinh nghĩa vụ xác minh lặp lại⁸.

Quan điểm thứ hai: Tác giả cho rằng Tòa án cần xác minh lại nơi cư trú của người được cấp, tổng đạt trước mỗi lần áp dụng thủ tục niêm yết công khai⁹.

⁸ Xuân Thoại (2024), *Tổng đạt theo hình thức niêm yết công khai*, truy cập tại <https://tapchitoaan.vn/tong-dat-theo-hinh-thuc-niem-yet-cong-khai11283.html>, truy cập ngày 11/5/2026.

⁹ Nguyễn Thị Chi (2024), *Vướng mắc trong việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án*, truy cập tại <https://tapchitoaan.vn/vuong-mac-trong-viec-cap-tong-dat-van-ban-to-tung-cua-toa-an11165.html>, truy cập ngày 11/5/2026.

Đối với quan điểm thứ nhất, tác giả cho rằng ưu điểm của quan điểm này là nâng cao hiệu quả, tính kinh tế và tính khả thi của hoạt động tố tụng. Trong thực tiễn xét xử, việc yêu cầu Tòa án xác minh nhiều lần có thể kéo dài thời gian giải quyết vụ án, gia tăng án tồn và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự khác. Quan điểm này cũng ngăn chặn việc đương sự cố tình trốn tránh hoặc không hợp tác để cản trở quá trình giải quyết vụ việc. Việc cho phép niêm yết tại nơi cư trú hoặc trụ sở cuối cùng góp phần bảo đảm tính ổn định của thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, hạn chế của quan điểm này là nguy cơ làm suy giảm mức độ bảo đảm quyền được thông tin của đương sự, đặc biệt trong trường hợp hoàn cảnh cư trú thực tế đã thay đổi sau lần xác minh đầu tiên. Nếu không có cơ chế cập nhật thông tin, việc niêm yết có thể trở nên hình thức, làm gia tăng rủi ro vi phạm quyền tham gia tố tụng và quyền tự bảo vệ của đương sự.

Đối với quan điểm thứ hai, tác giả cho rằng ưu điểm là tăng cường mức độ bảo đảm quyền được thông tin, thông báo đầy đủ của đương sự trong tố tụng. Cách tiếp cận này bảo đảm rằng việc niêm yết chỉ được thực hiện khi thực sự không còn khả năng tổng đạt trực tiếp tại thời điểm cụ thể ban hành văn bản tố tụng. Tuy nhiên, nhược điểm của quan điểm này là tính khả thi thấp trong điều kiện thực tiễn Việt Nam. Việc yêu cầu xác minh lặp lại trước mỗi lần ban hành văn bản tố tụng có thể làm chậm tiến độ giải quyết vụ án, gia tăng chi phí tố tụng, và làm suy giảm hiệu quả hoạt động của Tòa án. Trong một số trường hợp, quy định quá chặt chẽ có thể vô hình trung khuyến khích hành vi trốn tránh của đương sự, nghĩa vụ xác minh sẽ trở thành công cụ trì hoãn tố tụng.

Trên cơ sở đối chiếu và đánh giá toàn diện ưu điểm cũng như hạn chế của hai quan điểm trên, tác giả ủng hộ quan điểm thứ nhất. Theo đó, trong phạm vi một vụ án cụ thể, Tòa án chỉ cần thực hiện nghĩa vụ xác minh nơi cư trú của người được cấp, tổng đạt, thông báo một lần, với điều kiện hoạt động xác minh này phải được tiến hành nghiêm túc, đầy đủ, khách quan, được lập thành biên bản hợp lệ và lưu trữ trong hồ sơ vụ án như một căn cứ pháp lý kiểm chứng. Bởi lẽ, theo khoản 3 Điều 70 BLTTDS năm 2015, đương sự có nghĩa vụ cung cấp thông tin cư trú trung thực, chính xác và kịp thời thông báo cho Tòa án khi có sự thay đổi về địa chỉ liên hệ. Quy định này phản ánh yêu cầu về thiện chí và hợp tác trong tố tụng, đồng thời ngăn chặn việc đương sự lợi dụng sự thiếu thông tin để cản trở hoặc trì hoãn tiến trình giải quyết vụ án. Nếu đương sự tự ý rời khỏi nơi cư trú, thay đổi địa chỉ hoặc cố tình không thực hiện nghĩa vụ thông báo theo quy định, thì hệ quả pháp lý phát sinh từ hành vi thiếu thiện chí này không thể tiếp tục được chuyển hóa thành nghĩa vụ xác minh lặp đi lặp lại của Tòa án. Việc buộc Tòa án phải thường xuyên cập nhật, truy tìm địa chỉ mới trong suốt quá trình tố tụng không chỉ làm gia tăng gánh nặng hành chính và chi phí tố tụng, mà còn có nguy cơ làm suy giảm hiệu quả xét xử, kéo dài thời gian giải quyết vụ án và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác. Do đó, việc giới hạn nghĩa vụ xác minh ở một lần nhưng với tiêu chuẩn xác minh cao, có trách nhiệm giải trình rõ ràng là phương án dung hòa hợp lý giữa yêu cầu bảo đảm quyền được thông tin của đương sự và đòi hỏi về hiệu quả, tính kịp thời và tính ổn định của hoạt động tư pháp.

Mặt khác, các quy định tại Điều 177 và Điều 179 BLTTDS năm 2015 cho thấy nhà làm luật không thiết lập nghĩa vụ bắt buộc Tòa án phải tiến hành xác minh lại nơi cư trú của người được tổng đạt đối với mỗi lần ban hành văn bản tố tụng. Nếu ý chí của nhà lập pháp hướng đến việc yêu cầu xác minh lập lại cho từng văn bản, thì nguyên tắc này đã minh thị cụ thể, rõ ràng trong nội dung của điều luật. Trên thực tế, pháp luật hiện hành chỉ đặt ra nghĩa vụ xác minh trong trường hợp phát sinh điều kiện “không thể cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp”, chứ không gắn nghĩa vụ này với mỗi lần thực hiện niêm yết. Điều này phản ánh một cách tiếp cận mang tính xác minh theo vụ việc, thay vì quy định việc xác minh lập lại theo từng văn bản tố tụng.

Tham khảo kinh nghiệm của Liên bang Nga, Điều 118 BLTTDS Liên bang Nga¹⁰ cũng có nội dung tương tự khoản 3 Điều 70 BLTTDS năm 2015 khi quy định người tham gia tố tụng có nghĩa vụ thông báo cho Tòa án về việc thay đổi địa chỉ trong quá trình giải quyết vụ án. Nếu người đó không thực hiện nghĩa vụ này, giấy triệu tập hoặc thông báo tư pháp được gửi đến nơi cư trú hoặc địa chỉ cuối cùng mà Tòa án biết và vẫn được coi là đã được giao, mặc dù người nhận không còn cư trú hoặc có mặt tại địa chỉ đó. Quy định này không trực tiếp thiết lập cơ chế “xác minh một lần” theo nghĩa Tòa án chỉ được xác minh duy nhất một lần trong mọi trường hợp, nhưng thể hiện một nguyên tắc có giá trị tham khảo là: “Khi một địa chỉ đã được xác lập trong quá trình tố tụng và không có thông tin mới cho thấy địa chỉ đó thay đổi, pháp luật không buộc Tòa án phải liên tục truy tìm lại địa chỉ của đương sự; đồng thời, đương sự phải chịu trách nhiệm về việc không cập nhật thông tin của mình”.

Bên cạnh đó, pháp luật tố tụng dân sự Nga còn cho thấy sự phân biệt giữa việc xác lập thông tin về vụ án ở giai đoạn đầu và việc thực hiện các thông báo tiếp theo. Điều 113 BLTTDS Liên bang Nga quy định việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, người làm chứng, giám định viên, chuyên gia và phiên dịch viên sẽ được thực hiện ngay bởi các phương thức phù hợp sau khi đã có chứng cứ về việc họ đã được thông báo hợp lệ về phiên tòa đầu tiên. Các chủ thể này có trách nhiệm chủ động tiếp nhận thông tin về diễn biến tiếp theo của vụ án. Như vậy, mặc dù quy định này không đồng nhất với việc xác minh nơi cư trú của cá nhân để thực hiện niêm yết công khai, nhưng nó cho thấy quy định của BLTTDS Liên Bang Nga đã được thiết kế theo hướng một sự kiện tố tụng đã được xác lập hợp lệ sẽ có giá trị làm cơ sở cho các hoạt động tố tụng tiếp theo, thay vì yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng phải lập lại toàn bộ quá trình xác minh một cách hình thức.

Từ những phân tích trên có thể thấy, cách tiếp cận của pháp luật Việt Nam và kinh nghiệm của Liên bang Nga có thể là cơ sở để cân nhắc việc không đặt ra yêu cầu xác minh lại nơi cư trú đối với từng văn bản tố tụng, trong trường hợp thông tin đã được xác lập hợp lệ và chưa có căn cứ cho thấy có sự thay đổi. Tuy nhiên, cơ chế “xác minh một lần” cần đi kèm với

¹⁰ Civil Procedure Code of the Russian Federation No. 138-FZ of November 14, 2002 (as amended up to Federal Law No. 428-FZ of December 8, 2020), Russian Federation, truy cập tại <https://www.wipo.int/wipolex/en/legislation/details/20730>, truy cập ngày 12/8/2026.

việc xác minh bổ sung khi xuất hiện thông tin mới. Kết quả xác minh ban đầu chỉ nên được tiếp tục sử dụng làm căn cứ cho việc tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tiếp theo khi không có căn cứ cho thấy nơi cư trú hoặc địa chỉ liên hệ của đương sự đã thay đổi. Trường hợp xuất hiện thông tin mới làm cho kết quả xác minh trước đó không còn phù hợp, Tòa án phải tiến hành xác minh bổ sung.

Trên cơ sở đó, để tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho việc sử dụng kết quả xác minh trong cùng một vụ án, nhà làm luật cần cân nhắc bổ sung thêm đoạn 4 khoản 5 Điều 177 BLTTDS năm 2015 với nội dung: “Trong cùng một vụ án, biên bản xác minh được sử dụng làm căn cứ cho việc áp dụng thủ tục niêm yết công khai đối với các văn bản tố tụng tiếp theo, trừ trường hợp xuất hiện thông tin mới, có căn cứ rõ ràng cho thấy tình trạng cư trú hoặc địa chỉ liên hệ của người đó đã thay đổi”.

Việc yêu cầu xác minh một lần, nếu được thiết kế với tiêu chuẩn xác minh chặt chẽ, có biên bản và chịu trách nhiệm giải trình, vẫn có thể đáp ứng yêu cầu về bảo đảm quyền được thông tin, đồng thời tránh làm phát sinh chi phí tố tụng không cần thiết. Vì vậy, nhà làm luật cần cân nhắc, bổ sung thêm đoạn 4 khoản 5 Điều 177 BLTTDS năm 2015 về vấn đề này với nội dung sau: “Trong cùng một vụ án, biên bản xác minh được sử dụng làm căn cứ cho việc áp dụng thủ tục niêm yết công khai đối với các văn bản tố tụng tiếp theo, trừ trường hợp xuất hiện thông tin mới, có căn cứ rõ ràng cho thấy tình trạng cư trú hoặc địa chỉ liên hệ của người đó đã thay đổi”.

2.3. Về thời hạn niêm yết công khai

Theo khoản 3 Điều 179 BLTTDS năm 2015, văn bản tố tụng được niêm yết công khai trong thời hạn 15 ngày; hết thời hạn này, việc cấp, tổng đạt, thông báo được coi là hợp lệ, làm phát sinh hệ quả pháp lý để Tòa án tiếp tục các bước tố tụng, bảo đảm tiến trình giải quyết vụ việc không bị gián đoạn. Quy định này thể hiện xu hướng ấn định mốc thời gian cụ thể nhằm xác định rõ hiệu lực của hoạt động tố tụng và duy trì tính ổn định, liên tục.

Tuy nhiên, việc lấy tiêu chí “đủ thời hạn niêm yết” làm căn cứ chủ yếu dễ dẫn đến cách tiếp cận mang tính hình thức, chưa bảo đảm mục tiêu giúp đương sự thực sự tiếp cận thông tin và thực hiện quyền tố tụng. Thực tiễn xét xử cũng cho thấy, những sai sót thuần túy về kỹ thuật hoặc hành chính, như tính nhầm thời hạn niêm yết, có thể bị coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục, từ đó dẫn đến việc hủy bản án hoặc quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm.

Ví dụ: Bà T khởi kiện tại TAND quận P yêu cầu ông H trả nợ. Tòa đã thụ lý, triệu tập nhiều lần nhưng vợ chồng ông H vắng mặt nên thực hiện niêm yết công khai các văn bản tố tụng và xét xử vắng mặt, tuyên buộc ông H trả 200 triệu đồng. Bản án có hiệu lực, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án nhưng ông H không tự nguyện thực hiện, dẫn đến việc cưỡng chế kê biên tài sản của ông H. Sau đó, Chánh án TAND TP.H kháng nghị giám đốc thẩm do vi phạm tố tụng; Ủy ban Thẩm phán đã chấp nhận kháng nghị và hủy bản án trên để

xét xử sơ thẩm lại. Nguyên nhân được xác định là do thư ký tòa tính thiếu ngày niêm yết, thẩm phán thì không kiểm tra lại kỹ trước khi xét xử¹¹.

Trong tình huống này, hồ sơ vụ án cho thấy thời hạn niêm yết không được bảo đảm theo quy định. Cụ thể, Thông báo về phiên hòa giải được niêm yết ngày 15/8/2011 nhưng phiên hòa giải diễn ra ngày 30/8/2011, chỉ cách 14 ngày, thiếu 1 ngày so với thời hạn 15 ngày theo luật. Tương tự, Quyết định hoãn phiên tòa được niêm yết ngày 15/9/2011, trong khi phiên tòa mở lại ngày 30/9/2011, cũng không đủ thời hạn niêm yết theo quy định.

Về kỹ thuật tố tụng, sai lệch thời hạn niêm yết được xem là vi phạm thủ tục bắt buộc, vì thời hạn này không chỉ mang tính hình thức mà còn là điều kiện phát sinh hiệu lực của việc tổng đạt. Chỉ khi niêm yết “đúng và đủ” thì việc cấp, tổng đạt, thông báo mới hợp lệ và làm cơ sở để Tòa án tiếp tục các bước tố tụng tiếp theo.

Xét về bản chất quyền tố tụng, sai sót trong thời hạn niêm yết chủ yếu mang tính kỹ thuật, ít ảnh hưởng đến quyền được biết và tham gia tố tụng của đương sự, nhất là khi họ đã hoặc có thể biết về vụ việc. Tuy nhiên, do pháp luật vẫn xem “đủ thời hạn niêm yết” là điều kiện cứng, nên sai lệch tuy nhỏ vẫn bị xem là vi phạm nghiêm trọng, có thể dẫn đến việc hủy bản án theo thủ tục giám đốc thẩm, qua đó làm suy giảm tính ổn định của bản án và cho thấy xu hướng xem trọng hình thức tố tụng.

Ở góc độ khác, niêm yết công khai vốn nhằm bảo đảm khả năng tiếp cận thông tin của người được tổng đạt, nên thời hạn cần đủ hợp lý để đạt được mục tiêu này. Tuy nhiên, khả năng tiếp nhận thông tin trên thực tế không đồng đều, dẫn đến việc phương thức này trong nhiều trường hợp bị “hình thức hóa”, chủ yếu đáp ứng yêu cầu thủ tục hơn là bảo đảm thực chất quyền tố tụng của đương sự, đồng thời bộc lộ sự thiếu thống nhất giữa mục tiêu và kỹ thuật lập pháp.

Ví dụ: Trong thực tiễn giải quyết việc dân sự, điển hình là yêu cầu tuyên bố một người mất tích hoặc đã chết, việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng gặp nhiều khó khăn do người bị yêu cầu thường vắng mặt, không thể liên hệ hoặc không rõ tình trạng. Dù vậy, họ vẫn là chủ thể có quyền, nghĩa vụ liên quan nên Tòa án phải bảo đảm việc thông báo; khi không thể tổng đạt trực tiếp thì phải áp dụng niêm yết công khai theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, quá trình áp dụng pháp luật còn thiếu thống nhất về việc này. Cụ thể, theo khoản 4 Điều 388 và khoản 4 Điều 392 BLTTDS năm 2015 quy định Tòa án phải mở phiên họp trong 10 ngày kể từ khi kết thúc thời hạn thông báo, trong khi thời hạn niêm yết tại Điều 179 BLTTDS năm 2015 là 15 ngày. Sự chênh lệch này gây khó khăn trong việc xác định thời điểm chuyển sang giai đoạn tố tụng tiếp theo, nhất là khi phải niêm yết các văn bản liên quan đến việc mở phiên họp. Hiện nay, tồn tại hai cách tiếp cận khác nhau về việc cấp, tổng đạt, thông báo đối với người bị yêu cầu trong việc dân sự.

¹¹ Kim Phụng, *Hủy án vì tòa niêm yết thiếu ngày*, truy cập tại <https://plo.vn/huy-an-vi-toa-niem-yet-thieu-ngay-post291834.html>, truy cập ngày 01/01/2026.

Quan điểm thứ nhất: Chỉ cần tổng đạt cho đương sự trong việc dân sự, không cần tổng đạt cho người bị yêu cầu vì đã thực hiện thông báo tìm kiếm đối với người vắng mặt nơi cư trú đúng quy định. Do đó, khi kết thúc thời hạn thông báo theo quy định thì Tòa án ra Quyết định mở phiên họp luôn¹².

Quan điểm thứ hai: Trong trường hợp không thể tổng đạt trực tiếp Quyết định mở phiên họp cho đầy đủ các đương sự, Tòa án vẫn phải thực hiện thủ tục niêm yết công khai. Hướng dẫn tại Công văn số 163/TANDTC-PC ngày 10/9/2024 của TANDTC cũng xác định việc niêm yết là cần thiết trong thủ tục tuyên bố một người mất tích¹³.

Theo tác giả, từ góc độ bảo đảm quyền tố tụng và nguyên tắc xét xử công bằng, quan điểm thứ hai phù hợp hơn vì ưu tiên quyền được biết và tham gia của người bị yêu cầu, kể cả khi họ vắng mặt. Tuy nhiên, việc đồng thời tuân thủ thời hạn niêm yết 15 ngày (Điều 179) và thời hạn mở phiên họp 10 ngày (Điều 388, Điều 392 BLTTDS năm 2015) tạo ra xung đột về thời gian. Bởi nếu Tòa án tuân thủ đúng thời hạn niêm yết, thì có nguy cơ vi phạm thời hạn mở phiên họp; ngược lại, nếu ưu tiên thực hiện theo thời hạn mở phiên họp, thì có thể bị xem là vi phạm quy định về thời hạn niêm yết, từ đó làm phát sinh trường hợp Quyết định bị hủy hoặc bị xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm. Do đó, nếu không được điều chỉnh hợp lý, quy định cứng về thời hạn niêm yết trong khi thiếu tiêu chí đánh giá hiệu quả thông báo có thể dẫn đến việc áp dụng không thống nhất, ảnh hưởng đến tính công bằng và hiệu quả giải quyết vụ việc.

Liên hệ với quy định của một số nước trên thế giới như Hoa Kỳ và Nhật Bản. Có thể nhận thấy rằng, trong hệ thống pháp luật Hoa Kỳ, vấn đề tính hợp lệ của việc niêm yết được quy định tại án lệ *Mullane v. Central Hanover Bank & Trust Co.* (1950) của Tòa án Tối cao. Theo đó, một phương thức thông báo chỉ có thể được xem là phù hợp với Hiến pháp nếu nó được thiết kế theo cách hợp lý nhằm tạo ra khả năng thực tế để các chủ thể biết hoặc có thể biết về nội dung của thủ tục tố tụng mà không quá phụ thuộc việc tuân thủ hình thức hay thời hạn theo hướng cứng nhắc. Cách tiếp cận này đã chi phối sâu sắc hệ thống pháp luật tố tụng dân sự Hoa Kỳ hiện đại. Ở cấp liên bang, Quy tắc tố tụng dân sự Liên bang (*Federal Rules of Civil Procedure*)¹⁴, đặc biệt là Quy tắc 4(e): “không thiết lập một thời hạn niêm yết cố định mang tính cứng nhắc bởi luật, mà thường do Tòa án quyết định trên cơ sở hoàn cảnh cụ thể của từng vụ việc, bao gồm tính chất tranh chấp, điều kiện thực tế của người bị tổng đạt, khả năng tiếp cận thông tin, và mức độ cần thiết phải bảo đảm quyền tham gia tố tụng”.

Tương tự pháp luật Hoa Kỳ, pháp luật Nhật Bản cũng quy định thủ tục niêm yết công khai theo hướng dung hòa giữa tính xác định về mặt thời hạn và yêu cầu bảo đảm quyền được

¹² Nguyễn Thị Quỳnh Mai (2025), *Vướng mắc trong việc thực hiện thủ tục niêm yết công khai văn bản Tố tụng khi giải quyết việc dân sự*, truy cập tại <https://vksbacninh.gov.vn/chuyendephapluat/59/14352>, truy cập ngày 01/01/2026.

¹³ Nguyễn Thị Quỳnh Mai (2025), *tlđd* (12), truy cập ngày 01/01/2026.

¹⁴ *Federal Rules of Civil Procedure*, truy cập tại <https://www.uscourts.gov/forms-rules/current-rules-practice-procedure/federal-rules-civil-procedure>, truy cập ngày 24/01/2026.

thông tin của đương sự. Theo các Điều 110 đến Điều 113 BLTTDS¹⁵, việc tổng đạt bằng hình thức niêm yết chỉ phát sinh hiệu lực sau hai tuần kể từ ngày các biện pháp công khai bắt đầu có hiệu lực; đối với trường hợp tổng đạt ở nước ngoài, thời hạn này được kéo dài lên sáu tuần và không được rút ngắn. Tuy nhiên, pháp luật Nhật Bản tiếp cận vấn đề thời hạn niêm yết theo hướng linh hoạt nhưng chặt chẽ về bảo đảm quyền, trong đó thời gian công bố vừa mang tính xác định để bảo đảm tính ổn định và dự đoán được của thủ tục, vừa không bị tách rời khỏi mục tiêu chính là bảo đảm quyền được biết và quyền tham gia tố tụng của đương sự.

Đối chiếu với pháp luật Hoa Kỳ và Nhật Bản cho thấy xu hướng xem trọng hiệu quả thực tế của việc thông báo, không tuyệt đối hóa thời hạn niêm yết mà gắn với khả năng tiếp cận thông tin của đương sự và đặt trong cơ chế bảo đảm quyền được biết dưới sự kiểm soát của Tòa án. Trong khi đó, Điều 179 BLTTDS năm 2015 quy định thời hạn niêm yết cố định 15 ngày, còn thiếu sự linh hoạt và mâu thuẫn với thời hạn mở phiên họp 10 ngày, dễ phát sinh vi phạm kỹ thuật và ảnh hưởng đến tính ổn định của phán quyết Tòa án. Vì vậy, việc quy định thời hạn niêm yết như trên sẽ không phù hợp với yêu cầu bảo đảm tính linh hoạt và hiệu quả thực chất của thủ tục tố tụng.

Vì vậy, tác giả kiến nghị sửa đổi khoản 3 Điều 179 BLTTDS năm 2015 theo hướng chuyển từ thời hạn niêm yết cố định sang khung thời hạn linh hoạt (từ 15 đến 30 ngày). Theo đó, Tòa án được quyền xác định thời hạn cụ thể căn cứ vào tính chất vụ việc, loại văn bản tố tụng và mức độ ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự, đồng thời cho phép áp dụng cơ chế rút ngắn trong những trường hợp cần thiết để bảo đảm phù hợp với thời hạn mở phiên họp, nhưng vẫn phải bảo đảm hợp lý và không làm ảnh hưởng đến quyền được biết và tham gia tố tụng của đương sự.

3. Kết luận

Niem yết công khai là phương thức tổng đạt thay thế, nhưng BLTTDS năm 2015 còn hạn chế về việc thiếu quy định bắt buộc về xác minh nơi cư trú trước khi niêm yết, cách tiếp cận còn nặng về hình thức đối với số lần xác minh và thời hạn niêm yết. Những bất cập này ảnh hưởng đến quyền tố tụng của đương sự và tính ổn định của bản án, quyết định. Vì vậy, cần hoàn thiện theo hướng tăng cường nghĩa vụ xác minh, thống nhất số lần xác minh và thời hạn niêm yết hợp lý để bảo đảm hiệu quả của thủ tục tố tụng.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Civil Procedure Code of the Russian Federation No. 138-FZ of November 14, 2002 (as amended up to Federal Law No. 428-FZ of December 8, 2020), Russian Federation, <https://www.wipo.int/wipolex/en/legislation/details/20730>, truy cập ngày 12/8/2026.

¹⁵ Code of Civil Procedure of Japan, truy cập tại <https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/2834/> en, truy cập ngày 24/01/2026.

2. German Code of Civil Procedure, https://www.gesetze-im-internet.de/englisch_zpo/englisch_zpo.html, truy cập ngày 01/01/2026.
3. France code of Civil Procedure Code, <https://www.wipo.int/wipolex/en/members/profile/FR?activeCollection=laws&collection=laws&collection=treaties&collection=judgments>, truy cập ngày 01/01/2026.
4. Phùng Văn Hải, Phan Nguyễn Bảo Ngọc (2025), *Vướng mắc trong BLTTDS năm 2015 về thủ tục niêm yết, tổng đạt từ thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân hai cấp Thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam, số 02/2025, tr.69-79.
5. Huỳnh Phương Linh (2017), *Nâng cao chất lượng Bài phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm các vụ án dân sự, hôn nhân gia đình*, truy cập tại <https://vkshanoi.gov.vn/Tin-tuc/Diễn-đàn-nghiệp-vụ/nang-cao-chat-luong-bai-phat-bieu-cua-kiem-sat-vien-tai-phiên-toa-so-tham-cac-vụ-an-dân-su-hngd>, truy cập ngày 12/8/2026.
6. Nguyễn Thị Quỳnh Mai (2025), *Vướng mắc trong việc thực hiện thủ tục niêm yết công khai văn bản Tổ tụng khi giải quyết việc dân sự*, truy cập tại <https://vksbacninh.gov.vn/chuyendephapluat/59/14352>, truy cập ngày 01/01/2026.
7. Nguyễn Thái Nam (2019), *Vướng mắc trong thực hiện niêm yết công khai theo Bộ luật Tổ tụng Dân sự*, truy cập tại <https://tapchitoaan.vn/vuong-mac-trong-thuc-hien-niem-yet-cong-khai-theo-bo-luat-to-tung-dân-su>, truy cập ngày 24/02/2026.
8. Kim Phụng, *Hủy án vì tòa niêm yết thiếu ngày*, <https://plo.vn/huy-an-vi-toa-niem-yet-thieu-ngay-post291834.html>, truy cập ngày 01/01/2026.
9. Nguyễn Thị Xuân Quỳnh (2025), *Nhận diện một số vi phạm của Tòa án trong quá trình giải quyết các vụ án dân sự*, truy cập tại <https://vkshanoi.gov.vn/nhan-dien-mot-so-dang-vi-phạm-của-t242a-225n-trong-qu225-tr236nh-giải-quyết-c225c-vụ-225n-d226n-sự>, truy cập ngày 12/8/2026.
10. Xuân Thoại (2024), *Tổng đạt theo hình thức niêm yết công khai*, truy cập tại <https://tapchitoaan.vn/tong-dat-theo-hình-thức-niem-yet-cong-khai11283.html>, truy cập ngày 11/5/2026.
11. Nguyễn Thị Chi (2024), *Vướng mắc trong việc cấp, tổng đạt văn bản tổ tụng của Tòa án*, truy cập tại <https://tapchitoaan.vn/vuong-mac-trong-viec-cap-tong-dat-van-ban-to-tung-cua-toa-an11165.html>, truy cập ngày 11/5/2026.
12. Mullane v. Central Hanover Bank & Trust Co. (1950), <https://supreme.justia.com/cases/federal/us/339/306/>, truy cập ngày 24/01/2026.
13. Federal Rules of Civil Procedure, <https://www.uscourts.gov/forms-rules/current-rules-practice-procedure/federal-rules-civil-procedure>, truy cập ngày 24/01/2026.
14. Code of Civil Procedure of Japan, <https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/2834/en>, truy cập ngày 24/01/2026.